

# LẠM PHÁT CƠ BẢN

**TS. Nguyễn Trọng Hậu**  
**Viện Nghiên cứu Châu Âu**

## 1. Khái niệm lạm phát cơ bản và các phương pháp tính

Chỉ số giá tiêu dùng thường được dùng để đánh giá lạm phát, nhưng trong việc điều hành chính sách tiền tệ mà vai trò này thuộc về các ngân hàng trung ương thì chỉ số này có một số nhược điểm như rất nhạy cảm với các cú sốc của cung hay những áp lực do tăng cầu điều này gây khó khăn cho việc đánh giá chính xác tác dụng của chính sách tiền tệ trong điều hành kinh tế vĩ mô, chính vì vậy vào các thập kỷ 80, 90 của thế kỷ trước ngân hàng Trung ương của nhiều nước như Mỹ, Canada, New Zealand đã nghiên cứu và tính toán lạm phát cơ bản (core inflation) nhằm phục vụ cho việc đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đối với nền kinh tế.

Vậy thì lạm phát cơ bản là gì? Theo định nghĩa của nhà kinh tế Eckstein được xem như là người đầu tiên đưa ra khái niệm này thì lạm phát cơ bản là lạm phát xuất hiện trên quỹ đạo tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế với điều kiện là quỹ đạo này không bị ảnh hưởng của các cú sốc và các thị trường (hàng hoá, tiền tệ, lao động) ở trạng thái cân bằng dài hạn (Eckstein, tr.8).

Khác với Eckstein, Quah và Vahey (1995) trong bài báo phân tích lạm phát cơ bản đã định nghĩa lạm phát cơ bản là thành phần của lạm phát đo lường được mà không có ảnh hưởng trung hạn và dài hạn đến sản xuất. Họ nói đến ở đây đường Phillips thẳng đứng trong dài hạn.

Laider (1990) cho rằng lạm phát cơ bản là tốc độ tăng giá trung bình dài hạn. Còn Bryan và Cecchetti (1994) định nghĩa rõ hơn: nói chung khi người ta sử dụng thuật ngữ lạm phát cơ bản thì người ta muốn nói đến thành phần ổn định trong dài hạn của chỉ số giá mà nó gắn liền với việc tăng khối lượng tiền.

Như vậy từ các định nghĩa trên chúng ta cần phải hiểu lạm phát cơ bản là lạm phát trong dài hạn mà đã loại bỏ các nhiễu loạn ngẫu nhiên (như các cú sốc cung) và nó phản ánh xu hướng cơ bản, ổn định mức tăng giá chung của các loại hàng hoá và dịch vụ của nền kinh tế trong dài hạn, chứ không phải chỉ là một khoảng thời gian ngắn.

Việc tính lạm phát cơ bản nhằm mục đích nghiên cứu khác và vì vậy không nên đối lập nó với chỉ số lạm phát ghi nhận tính theo chỉ số giá tiêu dùng CPI mà chỉ nên xem nó như là một thước đo khác bổ sung cho chỉ số CPI phục vụ cho việc hoạch định chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương.

Có 2 cách tiếp cận đối với lạm phát cơ bản đó là: cách tiếp cận lý thuyết mô hình và cách tiếp cận thực nghiệm thống kê.

## 2. Mô hình lạm phát cơ bản của Eckstein

Khi nghiên cứu lạm phát Eckstein chú ý đến 3 tác động: cung, cầu và bản thân lạm phát cơ bản, theo Eckstein thì lạm phát bao gồm 3 thành phần:

$$\dot{P} = \dot{P}_c + \dot{P}_d + \dot{P}_s$$

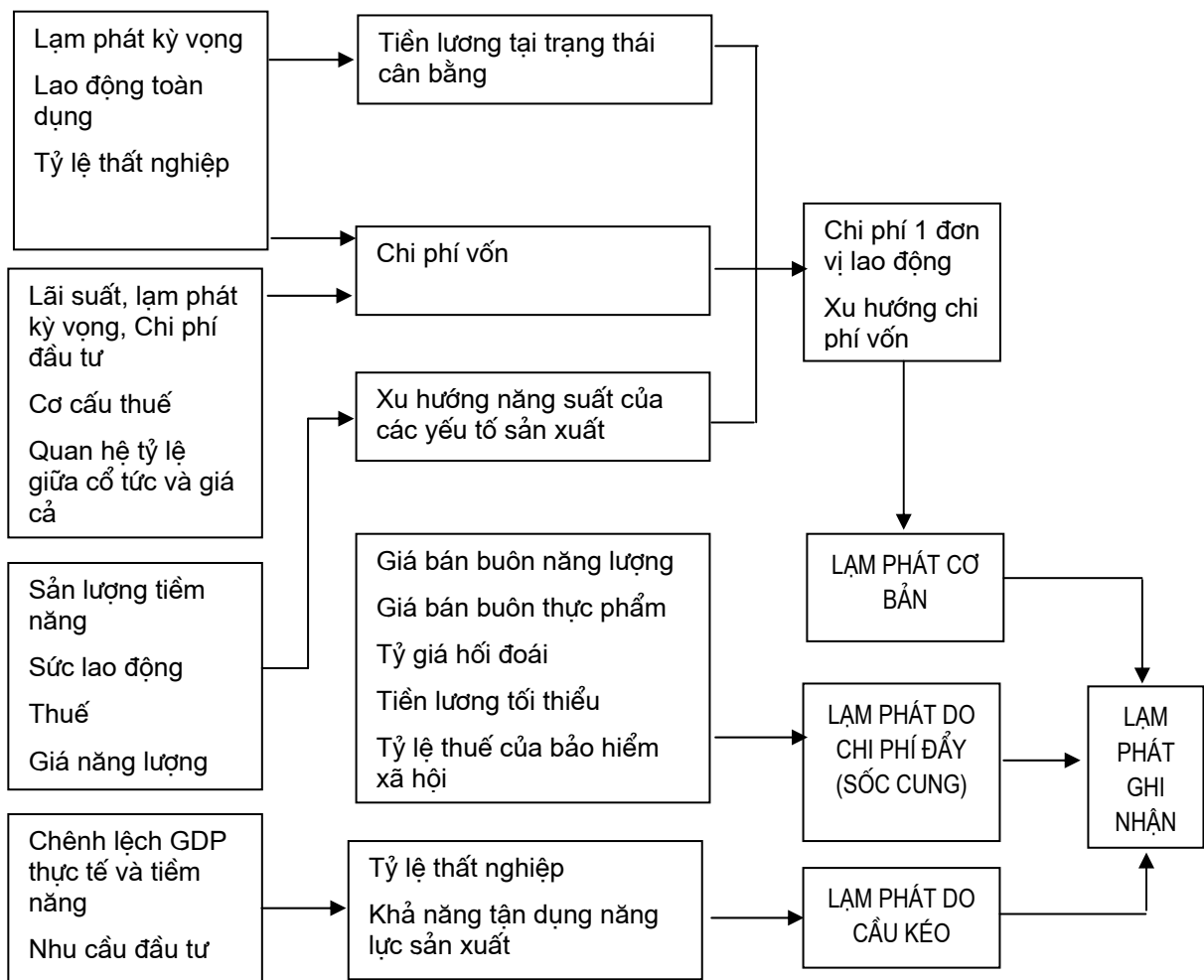
Trong đó:  $\dot{P}$  - lạm phát;  $\dot{P}_c$  - lạm phát cơ bản;  $\dot{P}_d, \dot{P}_s$  - lạm phát cầu kéo và chi phí đẩy.

Như vậy, lạm phát cơ bản là mức lạm phát được ghi nhận khi trong nền kinh tế không xuất hiện các biến động mạnh về cầu và các cú sốc về cung. Theo ông thì mức lạm phát cơ bản phản ánh sự tăng giá do tác

động chỉ bởi sự tăng các chi phí sản xuất mà yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự tăng chi phí này là lạm phát kỳ vọng hình thành trên các giá trị trong quá khứ của lạm phát do các cú sốc về cung và các biến động về cầu gây ra. Và đã có sự san phẳng theo thời gian.

Mô hình lạm phát cơ bản của Eckstein có thể biểu diễn qua sơ đồ sau:

### MÔ HÌNH LẠM PHÁT CƠ BẢN CỦA ECKSTEIN



Các tác giả như Blinder, Parkin đã cho rằng lạm phát cơ bản do Eckstein nêu ra

thực chất là lạm phát kỳ vọng được thể hiện trên thực tế.

### 3. Mô hình lạm phát cơ bản của Quah-vahey

Theo Quah và Vahey thì lạm phát cơ bản là một thành phần của lạm phát được ghi nhận có tính chất trung tính đối với sản xuất trong khoảng thời gian trung và dài hạn. Về mặt mô phỏng hình thức thì lạm phát cơ bản theo Quah và Vahey gồm 2 đồng nhất thức sau:

$$\Delta Y = \sum_{j=0}^{\infty} d_{11}(j)\eta_1 + \sum_{j=0}^{\infty} d_{12}(j)\eta_2$$

$$\Delta \pi = \sum_{j=0}^{\infty} d_{21}(j)\eta_1 + \sum_{j=0}^{\infty} d_{22}(j)\eta_2$$

Trong đó  $\Delta Y$  và  $\Delta \pi$  là mức tăng sản lượng và lạm phát,  $\eta_1, \eta_2$  là hai loại nhiễu còn  $d_{ii}(j)$  là các hệ số tương ứng.

Trong mô hình Quah ta thấy có 2 loại nhiễu ảnh hưởng đến sản lượng và lạm phát. Hai loại nhiễu này khác nhau về cách thức ảnh hưởng đến sản lượng. Kiểu thứ nhất là các nhiễu ngẫu nhiên, chúng sẽ không có ảnh hưởng đến nền kinh tế sau một khoảng thời gian ngắn. Còn loại thứ hai là các nhiễu hệ thống có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế sau một khoảng thời gian dài. Vậy thì lạm phát cơ bản là một bộ phận của lạm phát được ghi nhận do kiểu nhiễu thứ nhất gây ra.

Mô hình lạm phát cơ bản của Eckstein và Quah có điểm khác nhau cơ bản: trong mô hình của Eckstein thì lạm phát do cầu kéo không được tính vào thành phần của lạm phát cơ bản, còn trong Quah thì được tính vào. Kết quả là những thay đổi về giá có tính chu kỳ được xem là thành phần của lạm phát cơ bản trong mô hình của Quah còn trong mô hình của Eckstein thì không tính vào. Các công trình nghiên cứu của Eckstein

và Quah đều liên quan đến khái niệm lạm phát kỳ vọng, các tác giả đều cho rằng lạm phát cơ bản đều là lạm phát kỳ vọng nhưng được thể hiện trên thực tế

Tuy nhiên cả hai công trình đều không đề cập đến cách tính chỉ số lạm phát cơ bản có giá trị vận dụng trong thực tế.

Để có thể đưa khái niệm lạm phát cơ bản vào vận hành trong thực tế chúng ta phải sử dụng đến cách tiếp cận thống kê.

### 4. Các phương pháp thống kê tính lạm phát cơ bản

#### 4.1. Lạm phát cơ bản tính trên cơ sở chỉ số CPI sau khi loại bỏ một số nhóm hàng hoá và dịch vụ

Đây là phương pháp tính phổ biến đang sử dụng hiện nay tại nhiều nước khi tính lạm phát cơ bản ta phải loại bỏ các loại hàng hoá mà giá cả của chúng phản ánh sai lệch sự biến động chân thực, các tiêu chí loại bỏ các hàng hoá là:

- Các hàng hoá có sự biến động lớn về giá cả;
- Các hàng hoá mà giá cả hình thành chủ yếu do các nhân tố cung;
- Các loại hàng hoá mà giá cả hình thành do các quy định hành chính;
- Những thay đổi giá cả gây nhiễu cho ngân hàng trung ương.

Sau đây sẽ nêu ra kinh nghiệm tính lạm phát cơ bản theo phương pháp này ở một số nước sau khi đã loại bỏ khỏi chỉ số CPI một số loại hàng hoá và dịch vụ mà sự biến động giá của chúng xem như là các tác động nhiễu loạn ngẫu nhiên

<b>Nước</b>	<b>Các hàng hoá và dịch vụ bị loại bỏ khi tính lạm phát cơ bản</b>
Úc	Các khoản vay tín dụng mua nhà, các loại hàng hoá và dịch vụ do nhà nước kiểm soát như điện, ga
Czech	Các hàng hoá và dịch vụ do nhà nước kiểm soát - như tiền thuê nhà, tiền điện, sưởi ấm, nước nóng, lạnh, thuốc, các khoản lệ phí hành chính, dịch vụ bưu điện, một số các dịch vụ viễn thông
Nhật	Thực phẩm không chế biến
Canada	Lương thực, thực phẩm, năng lượng, 8 loại hàng hóa và dịch vụ hay biến động nhất: hoa quả, rau, xăng dầu, chất đốt, ga, các khoản trả lãi vay tín dụng mua nhà, vận tải trong thành phố, thuốc lá các loại
Nauy	Năng lượng
New Zealand	Các khoản trả lãi vay tín dụng ngân hàng mua nhà và các chi phí nhà ở khác
Ba lan	Các hàng hóa và dịch vụ mà giá cả do nhà nước điều tiết, lương thực thực phẩm và chất đốt
Cộng hoà Nam phi	Thực phẩm không chế biến, các chi phí nhà ở và trả lãi vay tín dụng mua nhà
Slovakia	Lương thực, thực phẩm và các hàng hoá mà giá cả do nhà nước khống chế
Thụy điển	Các khoản vay tín dụng mua nhà và các hàng hoá nhập khẩu
Thái lan	Thực phẩm chưa chế biến, năng lượng
Anh	Các khoản vay tín dụng mua nhà
Mỹ	Lương thực, thực phẩm, năng lượng
Hung ga ry	Các loại thực phẩm có tính thời vụ (rau, trứng, hoa quả), các loại chất đốt, xăng dầu

*Nguồn: các trang internet của ngân hàng trung ương các nước*

Phương pháp này có một số nhược điểm sau đây:

Thứ nhất mang nặng yếu tố chủ quan, tùy tiện, bởi vì phải quyết định cụ thể chi tiết

loại hàng hoá và dịch vụ nào bị loại bỏ, loại nào giữ lại. Trên bảng đã nêu ta thấy có sự khác biệt khá lớn giữa các nước và tỷ lệ rổ hàng hoá bị loại bỏ chẳng hạn thấp nhất như

Nhật (8%) và cao nhất là Úc: 49%. Chính vì vậy kết quả nhận được cũng sẽ rất khác nhau tùy theo sự lựa chọn chủ quan.

Thứ hai ngay cả trong số các hàng hoá và dịch vụ bị loại bỏ vẫn chứa đựng những thông tin có ích về xu thế cơ bản của lạm phát mà nếu ta loại bỏ chúng sẽ dẫn đến việc đánh giá lạm phát cơ bản bị sai lệch đáng kể.

Chính vì vậy mà hiện nay người ta tìm các phương pháp khác để xây dựng các thước đo lạm phát cơ bản dựa trên cơ sở lý thuyết vững chắc hơn và tối ưu hơn.

#### **4.2. Lạm phát cơ bản theo cách tiếp cận ngẫu nhiên**

Xuất phát điểm của việc tính lạm phát cơ bản theo cách tiếp cận ngẫu nhiên là xem giá cả của hàng hoá và dịch vụ chịu sự tác động của nhiều nhân tố ngẫu nhiên và là một quá trình ngẫu nhiên với mức giá ghi nhận được xem như là một trong các giá trị có thể có và như vậy thì chỉ số CPI là một thống kê của phép thử gồm N phần tử.

Nghiên cứu quy luật phân bố của sự thay đổi giá cả tương đối, tức là mức lạm phát của từng loại hàng hoá và dịch vụ được thực hiện trên số liệu thống kê của nhiều nước người ta thấy có những tham số đặc trưng khác so với phân bố chuẩn. Phân bố của sự thay đổi giá cả tương đối thường có độ nhọn vượt quá 3 (là độ nhọn của phân bố chuẩn) điều này phản ánh mức độ tập trung cao quanh trục phân bố và đồng thời các phân bố này có độ bất đối xứng khác 0 (phân bố chuẩn có độ bất đối xứng bằng 0) và thông thường độ bất đối xứng của các phân bố này là dương, tức là các giá trị quan sát nằm lệch về bên phải của trục phân bố. Từ đó cho chúng ta 2 kết luận quan trọng

sau đây: thứ nhất về phương diện thuần túy thống kê thì các chỉ số xây dựng trên cơ sở số trung bình gia quyền thường không phải là các ước lượng hiệu quả của xu hướng trung tâm trong tổng thể khác với phân bố chuẩn. Thứ hai nguyên nhân gây ra sự sai lệch này thường là sự biến động giá cả của các mặt hàng như lương thực, thực phẩm, năng lượng cũng như các loại hàng hoá mà giá cả bị điều chỉnh bằng hành chính, nhưng danh sách các hàng hoá này không phải là đã đầy đủ và bất biến theo thời gian. Đôi khi sự biến động lớn bất hợp lý của giá cả nằm ở các khu vực khác, còn năng lượng và chất đốt lại tương đối ổn định trong thời gian dài. Từ đó ta có thể rút ra nhận xét là những sự đột biến về giá cả gây ra sự bất đối xứng trong phân bố những thay đổi của giá cả tương đối thường mang đặc trưng cung và chúng trái ngược với xu thế chung, như vậy việc loại bỏ sự biến động giá của các loại hàng hoá và dịch vụ này sẽ làm tăng mức độ chính xác của các chỉ số giá và tăng tính hữu ích của các chỉ số này trong chính sách tiền tệ. Các phương pháp thống kê ước lượng lạm phát cơ bản cố gắng cực tiểu hoá ảnh hưởng của những quan sát ngoại lai và vạch ra xu thế thực sự của sự thay đổi giá cả.

Nội dung kinh tế ẩn chứa đằng sau cách tiếp cận thống kê là như sau: nếu trong nền kinh tế không có các cú sốc của cung thì các hãng sẽ nâng giá các sản phẩm của mình trên cơ sở dự đoán sự tăng mức giá chung. Vì rằng những kỳ vọng tăng giá và những ước lượng tăng giá sẽ khác nhau giữa các hãng, nên sự tăng giá không thể đồng loạt như nhau, điều này cho thấy chúng ta không có lý do gì để khẳng định có sai số hệ thống nào đó hay đúng hơn là không có lý do để khẳng định phân bố của sự thay đổi

giá tương đối là bất đối xứng. Chính những cú sốc của bên cung dẫn đến tính chất bất đối xứng của phân bố. Sự thay đổi giá một cách bất thường là hậu quả của những cú sốc về mặt cung, chứ không phải do sự biến động của lượng tiền, vì thế một độ đo cho phép lọc ra các thay đổi bất thường này càng nhiều thì chúng ta sẽ thu được một chỉ số càng gần với lạm phát do tiền tệ gây ra và đó cũng chính là lạm phát cơ bản.

Phân tích logic nội dung kinh tế trên đây gợi ý cho chúng ta cách xây dựng chỉ số phản ánh gần đúng lạm phát cơ bản; chúng ta sẽ loại bỏ một tỷ lệ nhất định các quan sát phía trái và phía phải của đuôi bên trái và bên phải của phân bố và như vậy chúng ta thu được ước lượng xấp xỉ tốt hơn đối với lạm phát cơ bản.

Khi đó có 3 nhóm phương pháp thống kê để tính lạm phát cơ bản đó là:

- Nhóm các ước lượng trung bình cắt cụt: thông qua các độ đo xu hướng trung tâm sử dụng họ các trung bình cắt cụt để tính chỉ tiêu lạm phát cơ bản từ tập hợp N giá cả các loại hàng hoá và dịch vụ.

- Nhóm các phương pháp tính số trung bình gia quyền với quyền số được lựa chọn khác nhau.

- Nhóm các phương pháp san phẳng.

Dưới đây là nội dung chính của một số phương pháp.

#### a. Họ các ước lượng trung bình cắt cụt

Trung bình cắt cụt được đặc trưng bởi 2 tham số:

- Độ lớn cắt bỏ tính theo tỷ lệ phần trăm cho biết tỷ lệ cắt bỏ toàn phần từ phân bố.

- Độ bất đối xứng cần cắt bỏ tính theo tỷ lệ phần trăm có nghĩa là tỷ lệ cắt bỏ toàn phần phía trái hoặc phía bên phải của phân bố.

#### b. Trung bình gia quyền với quyền số là phương sai

Có rất nhiều phương pháp xác định quyền số khác nhau trong tính chỉ số giá tiêu dùng, các phương pháp này đều dựa trên nguyên tắc chung là gắn quyền số lớn hơn đối với các thành phần tương đối ổn định và quyền số nhỏ hơn đối với thành phần biến động nhiều, chẳng hạn Diewert (1995) lần đầu tiên đề xuất phương pháp xây dựng hệ thống quyền số, với chỉ số gồm N thành phần, thì phần tử thứ i có quyền số xác định như sau:

$$W = \frac{1/\sigma_i^2}{\sum_{i=1}^N 1/\sigma_i^2}$$

Trong đó:  $\sigma_i^2$  là phương sai của sự thay đổi giá tương đối của hàng hoá thứ i Johnson và Hogan (2001) đưa ra hệ thống quyền số như sau:

$$W_i = \frac{W_i \frac{1}{\sigma_{(\pi_i - \pi), i}}}{\sum_{i=1}^N \frac{W_i}{\sigma_{(\pi_i - \pi), i}}}$$

Trong đó  $\sigma_{(\pi_i - \pi), i}$  là độ lệch tiêu chuẩn của sự thay đổi giá tương đối của hàng hoá thứ i và lạm phát  $\pi$ .

#### c. Phương pháp san phẳng

Việc sử dụng phương pháp san phẳng được xem như là một phương pháp khác nhằm loại bỏ các sai số ngẫu nhiên (nhiều) từ số liệu lạm phát, khác với hai phương pháp trên phương pháp này sử dụng các kỹ

thuật xử lý đối với chuỗi thời gian, một trong các phương pháp khá quen thuộc là kỹ thuật trung bình trượt.

Đây là phương pháp ước lượng xấp xỉ lạm phát cơ bản và ít được sử dụng trong công tác nghiên cứu lạm phát cơ bản ở các nước.

Nói chung việc sử dụng các phương pháp tùy thuộc vào cơ sở số liệu và phân tích tính chất của chuỗi số liệu về lạm phát ghi nhận của từng nước ■

*Tài liệu tham khảo*

1. Bryan, Michael F, Stephen G. Cecchetti (1994), Measuring Core Inflation, NBER Studies in Business Cycles, Volume 29, tr. 195-215

2. Diewert, E. W.(2000), The Consumer Price Index and Index Number Purpose Discussion Paper, The University of British Columbia.

3. Eckstein, Otto (1981), Core Inflation, Prentice Hall Inc, Englewood Cliffs, New Jersey

4. Pollok, Artur (1998), Inflacja w teorii ekonomicznej (tiếng Ba Lan), Wydawnictwo Akademii Ekonomicznej w Krakowie, Krakow

5. Quah, D. and S.P. Vahey (1995), Measuring Core Inflation, The Economic Journal No.105 (September), tr. 1130-1144.

6. Hogan S, M.Johnson (2001), Core Inflation, Bank of Canada Technical Report No.89.